

Số: 11/2010/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2010

BỘ CÔNG THƯƠNG

ĐẾN Số:.....
Ngày:.....
Chuyên:.....

THÔNG TƯ

Quy định hoạt động khuyến mại đối với dịch vụ thông tin di động

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại (sau đây gọi tắt là Nghị định số 37/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định 39/2007/QĐ-TTg ngày 21 tháng 03 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước bưu chính, viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Viễn thông,

QUY ĐỊNH:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định hoạt động khuyến mại đối với dịch vụ thông tin di động mặt đất (sau đây gọi tắt là dịch vụ thông tin di động) và hàng hoá chuyên dùng trong lĩnh vực thông tin di động (sau đây gọi tắt là hàng hoá chuyên dùng thông tin di động).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ thông tin di động (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp di động).

2. Thương nhân kinh doanh hàng hoá chuyên dùng thông tin di động trên cơ sở hợp đồng ký với doanh nghiệp di động.

Điều 3. Dịch vụ và đơn vị dịch vụ thông tin di động

1. Dịch vụ thông tin di động được kinh doanh hợp pháp và được phép khuyến mại bao gồm:

- a) Dịch vụ thông tin di động mặt đất toàn quốc trả sau;
- b) Dịch vụ thông tin di động mặt đất toàn quốc trả trước;
- c) Dịch vụ thông tin di động mặt đất nội vùng trả sau;
- d) Dịch vụ thông tin di động mặt đất nội vùng trả trước;
- đ) Dịch vụ thông tin di động khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Đơn vị dịch vụ thông tin di động bao gồm:

a) I loá mạng là việc thuê bao được quyền kết nối vào mạng thông tin di động khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp di động. Đơn vị là lần hoà mạng;

b) Thuê bao ngày là việc thuê bao được quyền kết nối vào mạng thông tin di động trong thời gian một ngày. Đơn vị là ngày;

c) Thuê bao tháng là việc thuê bao được quyền kết nối vào mạng thông tin di động trong thời gian một tháng. Đơn vị là tháng;

d) Thời gian liên lạc là thời gian thuê bao gửi, nhận thông tin (thoại, dữ liệu, hình ảnh) khi sử dụng dịch vụ thông tin di động. Đơn vị là phút hoặc giây;

đ) Lượng thông tin là số byte thông tin (dữ liệu, hình ảnh) thuê bao gửi, nhận qua mạng khi sử dụng dịch vụ thông tin di động. Đơn vị là byte;

e) Gói thông tin là số lượng giao dịch thuê bao thực hiện qua mạng thông tin di động khi sử dụng dịch vụ thông tin di động, bao gồm:

- Số cuộc gọi (thoại). Đơn vị là cuộc gọi;
- Số bản tin nhắn (SMS, MMS). Đơn vị là bản tin nhắn;
- Số file (dữ liệu, hình ảnh). Đơn vị là file.

g) Các đơn vị dịch vụ thông tin di động khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Giá cước dịch vụ thông tin di động là giá chưa tính thuế giá trị gia tăng tính bằng đồng Việt Nam (VND) thực tế thu được khi cung cấp một đơn vị dịch vụ thông tin di động mà doanh nghiệp di động đã thực hiện đăng ký, thông báo giá với Bộ Thông tin và Truyền thông và niêm yết, công bố với khách hàng ngay trước thời gian khuyến mại. Giá cước dịch vụ thông tin di động bao gồm:

- a) Giá cước hòa mạng (VND/lần);
- b) Giá cước thuê bao ngày (VND/ngày);

c) Giá cước thuê bao tháng (VND/tháng);

d) Giá cước thông tin (VND/phút (giây) hoặc VND/byte hoặc VND/cuộc gọi hoặc VND/bản tin nhắn hoặc VND/file).

Điều 4. Hàng hoá và đơn vị hàng hoá chuyên dùng thông tin di động

1. Hàng hoá chuyên dùng thông tin di động được kinh doanh hợp pháp và được khuyến mại bao gồm:

a) Bộ xác định thuê bao (SIM) dùng cho dịch vụ thông tin di động toàn quốc trả trước có chứa số thuê bao di động. Đơn vị là “chiếc SIM”.

b) Bộ xác định thuê bao (SIM) dùng cho dịch vụ thông tin di động toàn quốc trả sau có chứa số thuê bao di động. Đơn vị là “chiếc SIM”.

c) Bộ xác định thuê bao (SIM) dùng cho dịch vụ thông tin di động nội vùng trả trước có chứa số thuê bao di động. Đơn vị là “chiếc SIM”.

d) Bộ xác định thuê bao (SIM) dùng cho dịch vụ thông tin di động nội vùng trả sau có chứa số thuê bao di động. Đơn vị là “chiếc SIM”.

đ) Thẻ nạp tiền bằng giấy, bằng phương tiện điện tử hoặc bằng các phương tiện khác dùng cho dịch vụ thông tin di động toàn quốc. Đơn vị là “chiếc thẻ”

e) Thẻ nạp tiền bằng giấy, bằng phương tiện điện tử hoặc bằng các phương tiện khác dùng cho dịch vụ thông tin di động nội vùng. Đơn vị là “chiếc thẻ”.

g) Máy điện thoại di động đã được gắn sẵn số thuê bao di động. Đơn vị là “chiếc máy”.

h) Hàng hoá chuyên dùng thông tin di động khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Giá hàng hoá chuyên dùng thông tin di động là giá chưa tính thuế giá trị gia tăng tính bằng đồng Việt Nam (VND) thực tế thu được khi bán một đơn vị hàng hoá chuyên dùng thông tin di động mà doanh nghiệp niêm yết và công bố công khai với khách hàng ngay trước thời gian khuyến mại.

Điều 5. Nguyên tắc khuyến mại trong lĩnh vực thông tin di động

Ngoài các quy định tại Điều 4 Nghị định 37/2006/NĐ-CP, việc thực hiện hoạt động khuyến mại trong lĩnh vực thông tin di động phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

1. Chỉ có doanh nghiệp di động mới được phép kinh doanh và khuyến mại đối với dịch vụ thông tin di động.

2. Chỉ có doanh nghiệp di động mới được phép phát hành và khuyến mại hàng hoá chuyên dùng thông tin di động. Việc khuyến mại SIM trắng không chứa số thuê bao di động, máy điện thoại di động không gắn SIM và thẻ dữ liệu không gắn SIM được thực hiện như đối với các hàng hoá khác quy định tại Luật Thương mại và Nghị định số 37/2006/NĐ-CP.

3. Doanh nghiệp di động có thể trực tiếp thực hiện khuyến mại hoặc thuê thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện việc khuyến mại dịch vụ, hàng hoá chuyên dùng thông tin di động cho mình. Trong trường hợp thuê thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện việc khuyến mại dịch vụ, hàng hoá chuyên dùng thông tin di động cho mình, doanh nghiệp di động phải bảo đảm rằng việc khuyến mại được thực hiện theo đúng chương trình khuyến mại đã thông báo hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về khuyến mại.

4. Doanh nghiệp di động chỉ được thực hiện khuyến mại đối với các nhãn hiệu dịch vụ thông tin di động quy định tại Khoản 1 Điều 3 và nhãn hiệu hàng hoá chuyên dùng thông tin di động quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này với điều kiện doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ thông tin di động và kinh doanh các hàng hoá chuyên dùng thông tin di động tương ứng theo giấy phép viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

5. Các đại lý của doanh nghiệp di động, các thương nhân khác kinh doanh hàng hoá chuyên dùng thông tin di động:

a) Phải ký hợp đồng với doanh nghiệp di động;

b) Không được tự ý tổ chức khuyến mại hàng hóa chuyên dùng thông tin di động mà chỉ được thực hiện khuyến mại theo đúng chương trình khuyến mại do doanh nghiệp di động tổ chức thực hiện.

6. Không được thực hiện các hoạt động khuyến mại nhằm mục đích cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường viễn thông hoặc bán phá giá dịch vụ, hàng hóa chuyên dùng thông tin di động.

7. Doanh nghiệp thông tin di động có trách nhiệm bảo đảm chất lượng dịch vụ, hàng hoá chuyên dùng thông tin di động được khuyến mại theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng hàng hoá và dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông.

8. Không được khuyến mại bằng việc giảm giá cước dịch vụ thông tin di động, giảm giá bán hàng hoá chuyên dùng thông tin di động đối với dịch vụ, hàng hoá do Nhà nước quy định giá cụ thể. Không được khuyến mại bằng việc giảm giá cước dịch vụ thông tin di động, giảm giá bán hàng hoá chuyên dùng thông tin di động xuống thấp hơn mức tối thiểu đối với dịch vụ, hàng hoá do Nhà nước quy định khung giá hoặc giá tối thiểu.

9. Giá trị vật chất dùng để khuyến mại cho một đơn vị dịch vụ, hàng hóa chuyên dùng thông tin di động được khuyến mại không được vượt quá 50% giá của đơn vị dịch vụ, hàng hoá chuyên dùng thông tin di động được khuyến mại đó trước thời gian khuyến mại, trừ trường hợp khuyến mại bằng các hình thức quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định 37/2006/NĐ-CP.

10. Tổng giá trị của dịch vụ, hàng hoá chuyên dùng thông tin di động dùng để khuyến mại trong một chương trình khuyến mại không được vượt quá 50% tổng giá trị của dịch vụ, hàng hoá chuyên dùng thông tin di động được khuyến mại, trừ trường hợp khuyến mại quy định tại Điều 7 Nghị định 37/2006/NĐ-CP.

CHƯƠNG II CÁC HÌNH THỨC KHUYẾN MẠI

Điều 6. Đưa mẫu hàng, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền

Hình thức đưa mẫu hàng, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền quy định tại Điều 7 Nghị định 37/2006/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Không tặng SIM có chứa số thuê bao di động, máy điện thoại di động đã được gắn sẵn số thuê bao di động cho khách hàng không đăng ký dùng thử dịch vụ thông tin di động của doanh nghiệp.

2. Được cung ứng dịch vụ thông tin di động mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền với các điều kiện sau:

a) Dịch vụ thông tin di động mẫu là dịch vụ đang trong thời gian thử nghiệm theo giấy phép thử nghiệm dịch vụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp hoặc dịch vụ mới được doanh nghiệp cung cấp ra thị trường trong thời gian 12 tháng;

b) Khách hàng tự nguyện đăng ký dùng thử dịch vụ;

c) Thời gian dùng thử dịch vụ thông tin di động không vượt quá 01 tháng và tổng số tiền thuê bao nếu phải thanh toán theo giá cước trước thời gian khuyến mại như trong trường hợp sử dụng dịch vụ bình thường không vượt quá 100.000 VND;

d) Sau thời gian dùng thử dịch vụ, doanh nghiệp di động có trách nhiệm thu hồi số thuê bao di động đã cấp cho khách hàng dùng thử dịch vụ.

Điều 7. Tặng hàng hoá cho khách hàng, cung ứng dịch vụ không thu tiền không kèm theo việc mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ

Hình thức tặng hàng hoá cho khách hàng, cung ứng dịch vụ không thu tiền không kèm theo việc mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ quy định tại Điều 8 của Nghị định 37/2006/NĐ-CP được thực hiện trong trường hợp hàng hoá tặng, dịch vụ cung ứng không thu tiền không phải là hàng hóa chuyên dùng thông tin di động, dịch vụ thông tin di động.

Điều 8. Bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ với giá bán hàng, cung ứng dịch vụ thấp hơn giá trước đó

1. Hình thức bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thông tin di động với giá thấp hơn giá trước đó (sau đây gọi là khuyến mại giảm giá) quy định tại Điều 9 Nghị định 37/2006/NĐ-CP là việc bán hàng hoá chuyên dùng thông tin di động thấp hơn giá bán trước chương trình khuyến mại hoặc việc cung cấp dịch vụ thông tin di động với giá cước thấp hơn giá cước khi doanh nghiệp không có bất kỳ chương trình khuyến mại nào.

2. Khuyến mại giảm giá bán hàng hoá chuyên dùng thông tin di động được thực hiện bằng các phương thức sau:

a) Giảm giá bán SIM có chứa số thuê bao di động;

b) Giảm giá bán máy điện thoại di động đã được gắn sẵn số thuê bao di động;

- c) Giảm giá bán thẻ nạp tiền;
- d) Tặng thẻ nạp tiền khi khách hàng mua thẻ nạp tiền;
- d) Các phương thức khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Mức giảm giá tối đa khi khuyến mại đối với giá bán SIM có chứa số thuê bao di động, giá bán máy điện thoại di động đã được gắn sẵn số thuê bao di động, giá bán thẻ nạp tiền không được vượt quá 50% giá bán hàng hoá chuyên dùng đó ngay trước thời gian khuyến mại (Ví dụ: giá SIM có chứa số thuê bao di động trước khi khuyến mại là 50.000 VND/SIM, thì khi thực hiện khuyến mại mức giảm giá tối đa là 25.000 VND/SIM). Mức tặng tối đa khi khuyến mại đối với thẻ nạp tiền không được vượt quá 100% mệnh giá của thẻ nạp tiền được bán (Ví dụ: trước khi khuyến mại giá một thẻ nạp tiền mệnh giá 100.000 VND là 100.000 VND/thẻ, thì khi khuyến mại, nếu khách hàng mua 01 thẻ nạp tiền mệnh giá 100.000 VND với giá 100.000 VND/thẻ, doanh nghiệp di động được tặng cho khách hàng tối đa thêm 01 thẻ mệnh giá 100.000 VND).

4. Doanh nghiệp di động có thể thực hiện khuyến mại bằng các phương thức nêu trên đối với một hoặc đồng thời một số đơn vị hàng hoá chuyên dùng thông tin di động quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này nhưng phải bảo đảm nguyên tắc tất cả các giá bán SIM có chứa số thuê bao di động, máy di động có gắn sẵn số thuê bao di động, thẻ nạp tiền thực tế khi áp dụng khuyến mại đồng thời các phương thức khác nhau không được giảm quá 50% giá bán hàng hoá đó ngay trước thời gian khuyến mại (Ví dụ 1: trước khi khuyến mại giá bán thẻ nạp tiền mệnh giá 100.000 VND là 100.000 VND/thẻ, nếu doanh nghiệp khuyến mại 50.000 VND/thẻ, đồng thời tặng cho khách hàng 01 thẻ nạp tiền mệnh giá 50.000 VND là vi phạm nguyên tắc trên, vì khi đó trên thực tế khách hàng chỉ phải trả 50.000 VND để có được 150.000 VND tiền thẻ hay giá bán thẻ nạp tiền đã giảm quá 50% giá bán thẻ trước khi khuyến mại. Ví dụ 2: trước khi khuyến mại giá bán thẻ nạp tiền mệnh giá 100.000 VND là 100.000 VND/thẻ, nếu doanh nghiệp khuyến mại 25.000 VND/thẻ, đồng thời tặng cho khách hàng 01 thẻ nạp tiền mệnh giá 50.000 VND là không vi phạm nguyên tắc trên, vì khi đó trên thực tế khách hàng đã phải trả 75.000 VND để có được 150.000 VND tiền thẻ hay giá bán thẻ nạp tiền đã giảm chưa quá 50% giá bán thẻ trước khi khuyến mại).

5. Khuyến mại giảm giá cước dịch vụ thông tin di động được thực hiện bằng các phương thức sau:

- a) Giảm giá cước hoà mạng, giá cước thuê bao ngày, giá cước thuê bao tháng, giá cước thông tin;
- b) Tăng thời gian liên lạc, lượng thông tin, gói thông tin khi thuê bao đã sử dụng dịch vụ;
- c) Các hình thức khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. Mức giảm tối đa đối với giá cước hoà mạng, giá cước thuê bao ngày, giá cước thuê bao tháng, giá cước thông tin được khuyến mại không được vượt quá 50% giá cước đó ngay trước thời gian khuyến mại (Ví dụ: giá cước thông tin trước khi khuyến mại là 1.000 VND/phút, thì khi thực hiện khuyến mại mức giảm giá cước tối đa là 500

VND/phút). Mức tăng tối đa với thời gian liên lạc, lượng thông tin, gói thông tin khi giữ nguyên giá cước không được vượt quá 100% thời gian liên lạc, lượng thông tin, gói thông tin đó ngay trước thời gian khuyến mại (Ví dụ: trước khi khuyến mại thuê bao gửi 01 tin nhắn phải thanh toán 300 VND, thì khi thực hiện khuyến mại nếu thuê bao đã gửi 01 tin nhắn với mức thanh toán 300 VND thì thuê bao có thể giảm tối đa thêm 01 tin nhắn nữa mà không phải thanh toán thêm).

7. Doanh nghiệp di động có thể thực hiện khuyến mại bằng các phương thức nêu trên đối với một hoặc đồng thời một số đơn vị dịch vụ quy định tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư này nhưng phải bảo đảm nguyên tắc tất cả các giá cước (hoà mạng, thuê bao ngày, thuê bao tháng, thông tin) thực tế khi áp dụng khuyến mại đồng thời một số đơn vị dịch vụ không được giảm quá 50% giá cước ngay trước thời gian khuyến mại (Ví dụ 1: giá cước tin nhắn trước khi khuyến mại là 300 VND/tin nhắn, nếu doanh nghiệp khuyến mại giá cước tin nhắn 150 VND/tin nhắn và tặng thêm cho thuê bao 01 tin nhắn nếu thuê bao gửi 01 tin nhắn là vi phạm nguyên tắc này, vì khi đó trên thực tế thuê bao gửi 02 tin nhắn chỉ phải thanh toán cho doanh nghiệp 150 VND hay giá cước thực tế sau khi áp dụng khuyến mại đồng thời cả giá cước thông tin và gói thông tin là 75 VND/tin nhắn, giảm quá 50% giá cước tin nhắn trước khi khuyến mại. Ví dụ 2: giá cước tin nhắn trước khi khuyến mại là 300 VND/tin nhắn, nếu doanh nghiệp khuyến mại giá cước tin nhắn 100 VND/tin nhắn và tặng thêm cho thuê bao 01 tin nhắn nếu thuê bao gửi 04 tin nhắn là không vi phạm nguyên tắc này, vì khi đó trên thực tế thuê bao gửi 05 tin nhắn phải thanh toán 800 VND hay giá cước thực tế sau khi áp dụng khuyến mại đồng thời cả giá cước thông tin và gói thông tin là 160 VND/tin nhắn, chưa giảm quá 50% giá cước tin nhắn trước khi khuyến mại).

8. Tổng thời gian thực hiện các chương trình khuyến mại giảm giá đối với mỗi nhãn hiệu dịch vụ thông tin di động quy định tại Khoản 1 Điều 3 và mỗi nhãn hiệu hàng hoá chuyên dùng thông tin di động quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này không được vượt quá 90 ngày trong một năm. Một chương trình khuyến mại giảm giá không được vượt quá 45 ngày.

9. Giá cước dịch vụ thông tin di động sau khi thực hiện khuyến mại giảm giá của doanh nghiệp di động chiếm thị phần không chế không được thấp hơn giá thành dịch vụ mà doanh nghiệp đã đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 9. Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ

Hình thức bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ quy định tại Điều 10 của Nghị định 37/2006/NĐ-CP khi áp dụng trong lĩnh vực thông tin di động phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Khi khách hàng mua SIM có chứa số thuê bao di động, máy điện thoại di động có gắn sẵn số thuê bao di động để hoà mạng, doanh nghiệp được tặng kèm cho khách hàng phiếu sử dụng dịch vụ thông tin di động của chính doanh nghiệp hoặc phiếu mua hàng hoá, phiếu sử dụng dịch vụ của các thương nhân khác. Không áp dụng hình thức khuyến mại này đối với hàng hoá chuyên dùng thông tin di động (không phát hành phiếu

mua SIM có chứa một số thuê bao di động, phiếu mua máy điện thoại di động có gắn sẵn một số thuê bao di động, phiếu mua thẻ nạp tiền).

2. Phiếu sử dụng dịch vụ thông tin di động là phiếu mua thời gian liên lạc, lượng thông tin, gói thông tin do doanh nghiệp di động phát hành và chỉ có hiệu lực khi khách hàng hoà mạng và đã sử dụng tối thiểu thời gian liên lạc, lượng thông tin, gói thông tin bằng thời gian liên lạc, lượng thông tin, gói thông tin ghi trong phiếu sử dụng dịch vụ (Ví dụ: phiếu sử dụng dịch vụ tặng cho khách hàng 100 phút liên lạc. Giá cước trước khi khuyến mại là 1000 VND/phút. Để bảo đảm nguyên tắc trên thuê bao phải gọi 100 phút với giá cước 1000 VND/phút thì mới được hưởng 100 phút của phiếu sử dụng dịch vụ). Nội dung của phiếu sử dụng dịch vụ di động phải bao gồm các thông tin liên quan được quy định tại Điều 97 Luật Thương mại.

3 Việc khuyến mại bằng phiếu sử dụng dịch vụ thông tin di động phải tuân theo các quy định tại điểm b khoản 5, khoản 6, 7, 8, 9 Điều 8 Thông tư này.

Điều 10. Khách hàng thường xuyên

Khách hàng thường xuyên quy định tại Điều 13 của Nghị định 37/2006/NĐ-CP bao gồm:

1. Thuê bao đang sử dụng dịch vụ thông tin di động trả trước của doanh nghiệp với thời gian sử dụng liên tục tối thiểu 12 tháng và có mức tiền đã sử dụng trong thời gian đó ít nhất là 1.000.000 VND;

2. Thuê bao đang sử dụng dịch vụ thông tin di động trả sau.

Điều 11. Các hình thức khuyến mại khác

Ngoài các hình thức khuyến mại quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Thông tư này, các hình thức khuyến mại khác được thực hiện theo Luật Thương mại và Nghị định số 37/2006/NĐ-CP.

CHƯƠNG III BÁO CÁO, KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 12. Thông báo, đăng ký thực hiện khuyến mại

1. Các doanh nghiệp di động có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung về thông báo, đăng ký tổ chức thực hiện khuyến mại quy định tại Mục 3, Chương 2 Nghị định 37/2006/NĐ-CP.

2. Khi thực hiện các chương trình khuyến mại bằng hình thức giảm giá và hình thức bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố, ngoài việc thông báo cho các Sở Công thương, doanh nghiệp di động đồng thời gửi một bản thông báo đến Sở Thông tin và Truyền thông. Khi thực hiện các chương trình khuyến mại bằng hình thức giảm giá và hình thức bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trở lên, ngoài việc thông báo cho các Sở Công thương, doanh nghiệp di động đồng

thời gửi một bản thông báo đến Bộ Thông tin và Truyền thông để Bộ sao gửi cho các Sở Thông tin và Truyền thông có liên quan.

Điều 13. Công bố thông tin và báo cáo

1. Khi thực hiện khuyến mại trong lĩnh vực thông tin di động, doanh nghiệp di động phải công bố công khai các thông tin theo quy định tại Điều 97 Luật Thương mại.

2. Doanh nghiệp di động có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm cho Bộ Thông tin và Truyền thông về danh sách, hình thức và nội dung các chương trình khuyến mại của doanh nghiệp. Khi thực hiện khuyến mại doanh nghiệp di động phải xác định rõ và báo cáo đầy đủ, chính xác khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ thông tin và Truyền thông đối với các thông tin sau:

a) Giá dịch vụ, hàng hoá được niêm yết và công bố công khai ngay trước thời gian khuyến mại;

b) Giá trị của một đơn vị dịch vụ, hàng hoá dùng để khuyến mại;

c) Tổng giá trị dịch vụ, hàng hoá được khuyến mại trong một chương trình khuyến mại,

d) Tổng giá trị dịch vụ, hàng hoá dùng để khuyến mại trong một chương trình khuyến mại;

đ) Giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ được tặng cho khách hàng đối với hình thức khuyến mại quy định tại Điều 7 Thông tư này;

e) Trị giá tuyệt đối hoặc phần trăm thấp hơn giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ bình thường trước thời gian khuyến mại đối với hình thức khuyến mại quy định tại Điều 8 Thông tư này;

g) Giá trị bằng tiền hoặc lợi ích cụ thể mà khách hàng được hưởng từ phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ; địa điểm bán hàng, cung ứng dịch vụ và các loại hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng có thể nhận được từ phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ đối với hình thức khuyến mại quy định tại Điều 9 của Thông tư này;

h) Các chi phí mà khách hàng phải tự chịu đối với hình thức khuyến mại quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Điều 14. Thanh tra, kiểm tra

1. Các tổ chức, cá nhân chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về hoạt động khuyến mại trong lĩnh vực viễn thông.

2. Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, Thanh tra các Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về hoạt động khuyến mại trong lĩnh vực viễn thông để thanh tra hoạt động khuyến mại của các doanh nghiệp thông tin di động.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Trong quá trình kiểm tra, thanh tra, nếu phát hiện vi phạm pháp luật, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà xử lý theo quy định của pháp luật về khuyến mại và viễn thông.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2010.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Viễn thông, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp thông tin di động và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này/.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ,
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Các doanh nghiệp thông tin di động;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ trưởng (kể b/c),
- Các Thứ trưởng Bộ TTTT,
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TTTT
- Lưu: VT, Vụ VT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Nam Thắng